

Số: 336/BC-PLVD

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

I- Thông tin chung:

1- Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100103143; đăng ký lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 11/10/2016;
- Vốn điều lệ: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
- Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại: 043.6884489/6885174;
- Số fax: 043.6884277;
- Website: vandienfmp.vn;
- Mã cổ phiếu: VAF.

2- Quá trình hình thành và phát triển:

- Từ năm 1963 đến năm 2009: Là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- Từ 01/01/2010 đến nay: Là Công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn;
- Niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh:
 - + Ngày niêm yết có hiệu lực: 21/5/2015;
 - + Ngày chính thức giao dịch: 23/6/2015.

3- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Sản xuất kinh doanh phân lân nung chảy và các loại phân NPK;
- Địa bàn kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Trong nước.

4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1- Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc điều hành.

4.2- Người đại diện theo pháp luật: Tổng giám đốc điều hành.

4.3- Sơ đồ tổ chức-quản lý: Tại phụ lục kèm theo báo cáo.

4.4- Các công ty con, công ty liên kết: không có

5- Định hướng phát triển:

5.1- Mục tiêu chính của Công ty:

Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích Nhà nước-Cổ đông-Người lao động.

5.2- Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty:

- Chú trọng nhân tố con người;
- Tập trung đầu tư khoa học công nghệ, không ngừng tăng năng suất lao động, năng suất máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo môi trường;
- Nâng công suất sản xuất, đạt 500.000 tấn lân nung chảy/năm và 200.000 tấn NPK/năm;
- Sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Giữ vững và phát triển thị trường trong nước; từng bước mở rộng thị trường nước ngoài.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Thực hiện đúng các quy định về môi trường; tuyên truyền, giáo dục người lao động để cải thiện môi trường;
- Tích cực tham gia, hưởng ứng các phong trào xã hội, từ thiện;
- Đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống tinh thần, thực hiện đúng các chế độ đối với người lao động.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro về cơ chế, chính sách của Nhà nước: Cơ chế, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, phân bón...(quy hoạch, cơ cấu ngành nông nghiệp, thuế, xuất nhập khẩu, xử lý phân bón rơm rạ, ...) có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Rủi ro về thiên tai: Khi thiên tai xảy ra sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân;
- Rủi ro về giá nông sản: Khi giá nông sản giảm sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân.

II- Tình hình hoạt động trong năm 2017:

1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Khó khăn: Ngay từ đầu năm 2017, hoạt động của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do các nguyên nhân chính dưới đây:

- Giá than tăng, cước vận tải tăng, thuế đất tăng, chi phí bảo hiểm tăng, chi phí xử lý chất thải tăng...; chính sách thuế GTGT đối với mặt hàng phân bón theo Luật thuế 71 đưa phân bón ra khỏi danh mục hàng hóa chịu thuế GTGT dẫn tới chi phí sản xuất tăng;
- Diện tích đất trồng trọt giảm, thời tiết diễn biến bất thuận cho sản xuất nông nghiệp, nông dân thiếu vốn đầu tư do giá nông sản giảm, nguồn cung phân bón (cả nhập khẩu và trong nước) tăng, giá phân bón thế giới và trong nước ở mức thấp, chi phí bán hàng tăng do sự cạnh tranh trên thị trường phân bón ngày càng gay gắt;
- Tình trạng phân bón giả, chất lượng kém chưa được xử lý triệt để;
- Công ty triển khai dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển” tại Bim Sơn, Thanh Hóa nên phải tập trung nhân lực, vốn cho dự án;
- Việc tuyển lao động khó khăn do Công ty đóng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

1.2- Thuận lợi:

- Sản phẩm phân bón của Công ty có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước;
- Công ty có bề dày trên 50 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề;
- Các hạng mục đầu tư, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất tại Công ty từ 2010 đến nay đều phát huy hiệu quả, làm giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Công ty được cấp thêm 1 bằng độc quyền sáng chế trong lĩnh vực sản xuất phân lân nung chảy.

Trong bối cảnh nêu trên, Công ty đã thực hiện các giải pháp chính như sau:

- Tăng cường tuyển lao động có trình độ, tay nghề;
- Duy trì lượng nguyên nhiên vật liệu dự phòng cho sản xuất ở mức tối thiểu;
- Tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh;
- Đầu tư khoa học kỹ thuật, cải tiến máy móc thiết bị để tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường;
- Tăng cường các biện pháp tiếp thị;
- Xây dựng cơ chế bán hàng linh hoạt, phù hợp từng thời điểm của thị trường, từng đối tượng khách hàng.

Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh chính đạt được trong năm 2017:

STT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện 2016	KH ĐHCĐ 2017	Thực hiện 2017	So sánh (%)	
						2017 /KH	2017/ 2016
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	298.156		304.204	103	102
2	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	925,65	920,07	952,55	104	103
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	55,54	55,00	72,04	131	130

Nhận xét: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính đều vượt so với kế hoạch và năm 2016:

- Sản lượng tiêu thụ năm 2017 tăng 2-3% so với kế hoạch và năm 2016 do Công ty giữ vững và mở rộng thị trường; đây kết quả tương đối khả quan trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp sản xuất phân bón thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam sụt giảm mạnh sản lượng tiêu thụ;
- Tổng doanh thu tăng 3-4% so với kế hoạch và năm 2016;
- Lợi nhuận trước thuế tăng 30-31% so với kế hoạch và năm 2016.

2- Tổ chức và nhân sự:

2.1- Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Hoàng Văn Tại	Tổng giám đốc	0,02	
2	Chu Văn Thước	Phó Tổng giám đốc	0,01	
3	Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	0,01	
4	Văn Hồng Sơn	Phó Tổng giám đốc	0,04	
5	Nguyễn Thị Hiền	Kế toán trưởng	0,01	

2.2- Lý lịch tóm tắt:

1. Ông Hoàng Văn Tại	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/8/1959

Số CMND:	010412089 cấp ngày 04/8/2006 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	121 B4, khu đô thị Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/ 0912267663
Trình độ văn hóa:	10/10
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa
+ Từ 1983 đến 1997:	Làm việc tại Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển Chức vụ: Đốc công phân xưởng, Phó phòng kỹ thuật.
+ Từ 1997 đến 2006:	Trưởng phòng kỹ thuật.
+ Từ 2006 đến 2009:	Phó Giám đốc Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 2010 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2. Ông Chu Văn Thước	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/5/1961
Số CMND/Hộ chiếu:	011782172 - cấp ngày 08/6/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/ 0913510480
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1985 đến 1987:	Cán bộ Phòng Tổ chức lao động, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 1987 đến 1989:	Quyền Trưởng phòng Kế hoạch, Công ty phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1989 đến 2001:	Trưởng phòng kinh tế, Công ty Phân lân Văn Điển.

+ Từ 2001 đến 2009:	Phó giám đốc Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 2010 đến 20/01/2015:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 21/01/2015 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

3. Ông Phạm Quang Trung	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/11/1966
Số CMND:	012450055 ngày 28/5/2001 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Tập thể Phân lân Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/ 0916880303
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1993 đến 1995:	Kỹ sư cơ khí phân xưởng Lò cao, phân xưởng Sấy nghiên Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1996 đến 2005:	Phó quản đốc Phân xưởng lò cao
+ Từ 2005 đến 2010:	Quản đốc phân xưởng Lò cao
+ Từ 12/2010 đến 03/2012:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 04/2012 đến 20/01/2015:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 21/01/2015 đến nay:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

4. Ông Văn Hồng Sơn	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/8/1965
Số CMND:	012935198 ngày 26/01/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	Tập thể Phân lân Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/ 0944001454
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí, cử nhân chính trị
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1990 đến 3/2000:	Kỹ sư cơ Phòng Cơ điện, Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc
+ Từ 4/2000 đến 9/2000	Kỹ sư các Phân xưởng Lò cao, Sấy nghiền, Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 10/2000 đến 8/2001	Phó Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 9/2001 đến 11/2002:	Phó Quản đốc, Quản đốc Phân xưởng Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2002 đến 29/6/2016:	Phó Phòng Kỹ thuật, Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 30/6/2016 đến nay:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

5. Bà Nguyễn Thị Hiền	
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	04/8/1972
Số CMND	011810805 – cấp ngày 11/3/2006 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội

Địa chỉ thường trú:	37B, BT2 bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489 / 0988757686
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế (kế toán)
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1991 đến 2002:	Nhân viên kế toán, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 2002 đến 2009:	Phó phòng kinh tế, Công ty phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 2010 đến 6/2012:	Phó phòng Tài chính kế toán, phụ trách kế toán Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ tháng 7/2012 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2.3- Những thay đổi trong Ban Tổng giám đốc: Không có.

2.4- Số lượng lao động bình quân năm 2017: 627 người.

2.5- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

- Tuyển dụng lao động có trình độ, tay nghề để bổ sung cho sản xuất kinh doanh hiện tại và cho nhà máy sản xuất phân bón tại Bim Sơn, Thanh Hóa trong tương lai; đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động;

- Tiếp thu, áp dụng các kiến nghị, ý tưởng sáng tạo, sáng kiến cải tiến của người lao động vào hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Đảm bảo việc làm, thu nhập, chế độ bảo hiểm xã hội, nghỉ phép, lễ theo đúng quy định; không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án năm 2017:

3.1- Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển” tại Bim Sơn, Thanh Hóa (dự án):

Dự án được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào ngày 08/4/2015 với tổng mức đầu tư là 1.192 tỷ đồng. Dự án được khởi công vào tháng 6 năm 2016. Đến nay, đã thực hiện xong phần san nền, đang triển khai phần xây tường rào. Giá trị thực hiện dự án trong năm 2017 là 5,43 tỷ đồng. Lũy kế giá trị thực hiện dự án từ khi triển khai đến hết năm 2017 là 99,60 tỷ đồng.

Tiến độ thi công dự án bị chậm gần 2 năm so với kế hoạch do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguyên nhân khách quan: Công tác thiết kế kéo dài nhằm đảm bảo việc bố trí các hạng mục hợp lý hơn và đảm bảo tiết kiệm chi phí; sự thay đổi các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng; sự thay đổi các cơ quan thẩm duyệt của địa phương;

- Nguyên nhân chủ quan: Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu san nền, gói thầu xây tường rào bị chậm; tiến độ thi công gói thầu san nền chậm.

3.2- Dự án đầu tư xây dựng công trình “Nhà máy phân bón NPK Thái Bình” (dự án):

Tại Quyết định số 02/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị:

- Dừng dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy phân bón NPK Thái Bình (dự án);
- Giao Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực hiện dừng dự án theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật và của Công ty.

Triển khai Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty lập Báo cáo quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn theo đúng quy định và thuê tư vấn lập Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo quyết toán dự án..

Theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước thì thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án thuộc Đại hội đồng cổ đông. Vì vậy, Hội đồng quản trị dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn.

3.3- Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh tại Công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị hợp đồng	Giá trị thực hiện năm 2017	Giá trị chuyển tiếp thực hiện sang năm 2018
1	Mua sắm cân phân tích phục vụ sản xuất	44	42	42	0
2	Mua sắm máy lọc tôn và pa lăng treo dầm đơn	1.505	1.432	859	573
3	Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục	3.927	3.264	653	2.611

3.4- Về đầu tư tài chính: không

3.5 - Các công ty con, công ty liên kết: không.

4- Tình hình tài chính:

4.1- Tình hình tài chính:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ.đ	656,048	699,153	-6,17
2	Doanh thu thuần	Tỷ.đ	951,904	919,682	3,50
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ.đ	72,063	54,398	32,47
4	Lợi nhuận khác	Tỷ.đ	-0,021	1,141	-101,82
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	72,042	55,540	29,71
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	57,346	44,432	29,06
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	10%	10%	

Ghi chú: Mức trả cổ tức năm 2017 dự kiến là 10%; mức chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

4.2- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,14	2,51	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,98	0,94	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,26	0,33	
	+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,36	0,50	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	1,92	1,88	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,45	1,32	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,05	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,09	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,06	
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,08	0,06	

5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2017:

5.1- Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 37.665.348 cổ phần;
- Loại cổ phần: phổ thông;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần;
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 37.665.348 cổ phần.

5.2- Cơ cấu cổ đông:

a- Theo cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% vốn điều lệ) :

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061 ngày 29/8/2014	67,06
2	Công ty TNHH Hoàng Ngân	02 Vũ Duy Thanh, Bích Đào, Ninh Bình	2700271351 ngày 26/6/2014	9,95
	Cộng			77,01

b- Theo tổ chức/cá nhân trong và ngoài nước:

Loại	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trong nước	99,77
- Cá nhân	6,99
- Tổ chức	92,78
Nước ngoài	0,23
- Cá nhân	0,06
- Tổ chức	0,17
Cộng	100

c- Theo sở hữu Nhà nước và các cổ đông khác

STT	Tên cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	67,06
2	Cổ đông khác	32,94
	Cộng	100

5.3- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 01/01/2017: 376.653.480.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017: 376.653.480.000 đồng.

5.4- Tình hình phát hành cổ phiếu: Không có.

5.5- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.6- Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty trong năm 2017:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a- Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty:

TT	Loại nguyên liệu	Đơn vị	Tiêu thụ năm 2017
1	Quặng Apatit	Tấn	175.662
2	Quặng sà vôn	Tấn	87.141
3	Quặng sa thạch	Tấn	29.861
4	Than	Tấn	58.652
	Cộng	Tấn	351.316

b- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2017: Đóng bánh quặng mịn được 60.135 tấn, triệt tiêu hoàn toàn chất thải rắn. Đưa vào sử dụng 61.433 tấn, chiếm 18% tổng lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất.

6.2. Tiêu thụ năng lượng trong năm 2017:

a- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Các loại nhiên liệu tiêu thụ:

STT	Loại nhiên liệu	Khối lượng	Giá nhiên liệu (đồng/tấn,kg,m ³)	Mục đích sử dụng
1	Than	58.652 tấn	3.464.000 đồng/tấn	Sản xuất phân lân
2	Dầu Diezen	406.538 lít	13.887 đồng/lít	Dùng chạy các phương tiện vận tải, phát điện
3	Xăng	9.075 lít	17.746 đồng/lít	Dùng chạy xe ô tô
4	Khí đốt (ga)	94 Kg	26.538 đồng/kg	Dùng cho nấu ăn
5	Trấu, mùn cưa ép	4.444 tấn	1.680.000 đồng/tấn	Dùng để sấy lân

- Điện năng tiêu thụ:

Nội dung	Đơn vị	Giá trị
Điện	kwh	13.332.500
Giá điện (ghi rõ 3 giá)	đồng/kwh	Cao điểm : 2.735; Từ 01/12/2017 tăng : 2.862 Thấp điểm : 983 ; Từ 01/12/2017 tăng : 1.004 Trung bình: 1.518; Từ 01/12/2017 tăng : 1.572
Chi phí điện	đồng	23.661.520.850

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện:

TT	Bộ phận	Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả	
		Nội dung giải pháp	Kết quả thực hiện
1	Chiếu sáng khu vực nhà ăn; nhà hành chính.	Thực hiện tiếp giải pháp thay thế dần bóng đèn tuýp T8,T10 bằng bóng đèn tuýp T5; hoặc đèn LED khi đèn T8,T10 hỏng; duy trì việc sửa chữa, thay thế loại bóng đèn tiết kiệm điện.	10 bộ đèn LED 10 bộ đèn T5
2	Chiếu sáng khu vực sản xuất; chiếu sáng bảo vệ.	Thay thế tiếp bóng đèn halozen công suất 500w bằng bóng đèn cao áp 250w; hoặc thay bóng đèn cao áp bằng bóng đèn LED 100 W.	3 bộ cao áp 250W 3 bộ LED 100 W 2 bộ LED 50 W
3	Các dây truyền sản xuất	Tiếp tục thay đổi các động cơ, thiết bị có công suất phù hợp với tính năng, thay đổi kết cấu giảm tốc, giảm tổn thất điện năng do chạy non tải.	Thay 2 động cơ máy sấy Hệ2+Hệ3 (từ 22kW xuống 15kW và 30kW xuống 22kW)
4	Buồng điện Hệ 1, Hệ 4 - Phân xưởng Sấy nghiền; Buồng điện Lò 1 + Lò 3 - Phân xưởng Lò cao	Thay thiết bị đóng cắt và bảo vệ các lộ phụ tải: cầu dao, cầu chì bằng các aptomat đảm bảo an toàn, giảm tổn thất điện năng do tiếp xúc.	4 tủ điện
5	Phân xưởng Lò cao	Giải pháp nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị lò cao để giảm định mức than (khu vực Lò 2).	Giảm 12 kg than/tấn bán thành phẩm so với thiết kế
6	Phân xưởng Sấy Nghiền	Giải pháp tận dụng nhiệt thải từ Lò cao thu về để sấy lần thành phẩm (khu vực Hệ 1).	Giảm 12 kg trấu ép/tấn sản phẩm (bỏ hẳn trấu ép).

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); kết quả của các sáng kiến này năm 2017:

- Bảng sáng chế 1991 - Lò cao cho sản xuất phân lân nung chảy; năm 2017 làm lợi 8,3 tỷ đồng;

- Giải pháp hữu ích số HI 0031 - Đóng bánh quặng tận thu 100% phế thải rắn; năm 2017 đưa vào sản xuất 61.433 tấn, làm lợi 7,985 tỷ đồng;

- Sáng kiến nghiên cứu công nghệ và thiết bị để sản xuất và sử dụng than cám ép viên thay thế than cục trong sản xuất ở Lò cao, tiết kiệm chi phí cho sản xuất; năm 2017 đưa vào sản xuất được 2.588 tấn than ép, làm lợi 0,558 tỷ đồng;

- Sáng kiến nghiên cứu cải tiến công nghệ và thiết bị sử dụng trấu ép thay cho than antraxit tại sấy lân tại Phân xưởng Sấy Nghiền, tiết kiệm chi phí cho sản xuất, giảm phát thải khí nhà kính; năm 2017 đưa vào sử dụng 4.741 tấn, làm lợi 4,529 tỷ đồng;

- Chế tạo và lắp đặt 2 silo chứa xi măng và đã đưa một silo vào vận hành phục vụ sản xuất tại máy ép số 2 và số 3, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân và tiết kiệm chi phí cho sản xuất, năm 2017 làm lợi 594,2 triệu đồng;

- Sáng kiến nghiên cứu giải pháp công nghệ và thiết bị sản xuất loại sản phẩm phân lân nung chảy “dễ tan” đáp ứng yêu cầu của thị trường và giảm chi phí cho sản xuất; năm 2017 đưa vào sản xuất được 16.624 tấn, làm lợi gần 2 tỷ đồng;

- Chế tạo và lắp đặt dây truyền sàng than hoạt động ổn định, đảm bảo năng suất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, tiết kiệm chi phí và nhân công trong sản xuất (giảm 12 lao động); năm 2017 làm lợi 600 triệu đồng;

- Dùng máy xúc thủy lực thay công nhân bốc quặng bánh cấp vào Lò cao, giảm được 10 lao động, năm 2017 làm lợi 500 triệu đồng;

- Đề tài thay đổi công nghệ lò cao, dùng khí nóng sấy lân tiết kiệm chi phí cho sản xuất. Dự kiến tiết kiệm than tại lò cao từ 15-17 kg/tấn bán thành phẩm, tiết kiệm trấu ép tại hệ 1 là 17kg/ tấn sản phẩm; năm 2017 làm lợi 516 triệu đồng;

- Sáng kiến cải tạo kết cấu thân nồi lò 1,2 bỏ tiếp giáp làm giảm biến dạng cục bộ tại thân nồi lò tăng tuổi bền cho các lò và giúp lò hoạt động ổn định, năm 2017 làm lợi 550 triệu đồng;

- Xử lý chất thải trong chăn nuôi, giải quyết được ô nhiễm môi trường, tiết kiệm 30 triệu đồng tiền thuê ô tô hút chất thải, đồng thời sử dụng làm phụ gia cho sản xuất NPK. Năm 2017 thu được 7 tấn phụ gia, làm lợi 3,5 triệu đồng.

6.3. Tiêu thụ nước trong năm 2017:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước ngầm tự khai thác 1400-1500 (m³/ngày). Năm 2017 đã khai thác 323.730 m³.
- Giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất: giấy phép số 436/GP-BTNMT ngày 14/3/2011 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Lượng nước thải: Được cấp phép cao nhất 500m³/ ngày đêm. Hiện tại; toàn bộ nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và một phần nước mưa đã được xử lý bằng tuần hoàn nên đã triệt tiêu toàn bộ nước thải); tiết kiệm mỗi năm khoảng 14 triệu m³ nước.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là đơn vị sản xuất phân bón đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội, công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu; Công ty đã thực hiện các giải pháp chủ yếu như sau:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về môi trường của Nhà nước và Thành phố Hà Nội.
- Đã lập bản báo cáo đánh giá tác động môi trường, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Không ngừng đổi mới các biện pháp giám sát, quản lý, giáo dục về môi trường;
- Không ngừng đầu tư khoa học công nghệ để đảm bảo, cải thiện môi trường.

a- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không có

b- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a- Số lượng lao động sử dụng bình quân trong năm 2017: 627 người

Thu nhập bình quân năm 2017: 9,996 tr.đồng/người/tháng

b- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động:

- Thời gian làm việc: 8h/ngày; Từ 5,5 - đến 6 ngày/tuần;

- Các chế độ đối với người lao động được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

c- Chế độ đào tạo: Hàng năm, tổ chức đào tạo và thi tay nghề cho người lao động.

6.6. Chương trình liên quan đến phát triển cộng đồng: Các chương trình liên quan đến phát triển cộng đồng luôn được Công ty quan tâm. Hướng ứng phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", Công ty đã nghiên cứu để sản xuất ra các loại phân bón thích hợp với biến đổi khí hậu. Năm 2017 Công ty đã đầu tư kinh phí để tổ chức 200 lớp tập huấn cho 50.000 nông dân về kỹ thuật sử dụng phân bón, góp phần tăng hiệu quả sử dụng phân bón, bảo vệ môi trường.

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Trong năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn như đã nêu tại mục 1 phần II; vì vậy, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp phù hợp để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông giao; cụ thể như sau:

- Tăng cường tuyển bổ sung lao động, đào tạo tay nghề cho công nhân; do vậy đã đáp ứng được nhu cầu lao động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Công tác tổ chức, quản lý ở mọi khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh được tiếp tục đổi mới, tăng cường, bám sát thực tiễn nên đảm bảo việc chấp hành quy định, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Tập trung các biện pháp về khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật; đại tu sửa chữa thiết bị để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm;

- Đầu tư đầy đủ, kịp thời các máy móc thiết bị phục vụ yêu cầu của sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân; các hạng mục đầu tư đều phát huy hiệu quả;

- Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới bao bì sản phẩm; sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Tiếp tục đầu tư cho công tác thị trường nên để giữ vững thị trường trong điều kiện cạnh tranh gay gắt;

- Xây dựng cơ chế, giá bán phù hợp từng thời điểm thị trường, từng đối tượng khách hàng;

Kết quả đạt được trong năm 2017:

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính (sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận) đều vượt so với kế hoạch và năm 2016 (đặc biệt, lợi nhuận tăng 30-31% so với kế hoạch và năm 2016). Đây là kết quả tương đối khả quan trong bối cảnh hầu hết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón phân bón thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đều sụt giảm sản lượng tiêu thụ. Việc giữ ổn định sản lượng tiêu thụ năm 2017 tạo tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty.

Những tiến bộ khác đạt được trong năm 2017:

- Trình độ công nghệ sản xuất được nâng cao; các máy móc, thiết bị về cơ bản được đầu tư, cải tạo, sửa chữa nên đã đáp ứng yêu cầu, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, cải thiện môi trường. Đặc biệt, năng lực chế tạo, lắp đặt máy móc thiết bị của Công ty được nâng cao;

- Áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, góp phần tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm;

- Các sản phẩm mới (NPK vê viên, lân vê viên..) được thị trường chấp nhận, sản lượng tiêu thụ tăng rõ rệt so với năm 2016;

- Các thị trường tiêu thụ truyền thống cả trong và ngoài nước được giữ vững trong bối cảnh cạnh tranh rất gay gắt;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động trong bối cảnh ngành phân bón trong nước gặp rất nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoặc giảm hoạt động;

2- Tình hình tài chính

2.1- Tình hình tài sản:

Vốn chủ sở hữu, tài sản của Công ty tính đến 31/12/2017 như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2017
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	465,548	483,162
2	Vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ.đ	376,653	376,653
3	Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ.đ	30,328	41,687
4	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	3,282	3,282
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tỷ.đ	55,285	61,540
6	Tổng tài sản	Tỷ.đ	699,153	656,048

Các tài sản được đầu tư và sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả của tài sản.

Hiệu quả sử dụng vốn năm 2017 của Công ty được đánh giá qua các chỉ số tài chính, cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2017
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,54%	11,87%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,36%	8,74%

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn năm 2017 đều cao hơn so với năm 2016, Công ty bảo toàn và sử dụng vốn có hiệu quả.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty có số dư tiền gửi ngân hàng là 101,248 tỷ đồng, trong đó gửi có kỳ hạn là 55 tỷ đồng với lãi suất 5,2%/năm đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng và 6,9%/năm đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng.

Công nợ phải thu:

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2017
	Tổng nợ phải thu	Tỷ.đ	28,377	30,526
1	Phải thu khách hàng	Tỷ.đ	5,078	5,786
2	Trả trước cho người bán	Tỷ.đ	2,851	4,157
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	Tỷ.đ	1,141	1,141
4	Các khoản phải thu khác	Tỷ.đ	21,201	21,337
5	Dự phòng phải thu khó đòi	Tỷ.đ	(1,894)	(1,894)
	Một số chỉ tiêu cơ bản			
1	Tỷ lệ nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu		6,68%	6,21%
2	Vòng quay của các khoản phải thu (= Doanh thu thuần/số dư phải thu khách hàng)		181,096	164,528

Nợ phải thu chủ yếu là tiền bán hàng. Công ty đã thực hiện quản lý công nợ theo đúng các quy chế, quy định của Công ty.

Nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2017 là 1,894 tỷ đồng. Trong năm 2017 không phát sinh thêm nợ phải thu khó đòi. Đối với một số khoản nợ đã phát sinh nhiều năm, Công ty đã trích lập dự phòng và thực hiện các biện pháp để thu hồi công nợ (khởi kiện ra Tòa án).

Ngoài khoản công nợ này, Công ty không có khoản công nợ phải thu khó đòi hay tài sản khó thu hồi nào khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

2.2- Tình hình nợ phải trả:

Công nợ phải trả:

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2017
	Tổng nợ phải trả	Tỷ.đ	233,605	172,886
A	Nợ ngắn hạn	Tỷ.đ	233,605	172,886
1	Phải trả người bán	Tỷ.đ	70,063	61,000
2	Người mua trả tiền trước	Tỷ.đ	0,361	0,120
3	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ.đ	0,014	2,740
4	Phải trả người lao động	Tỷ.đ	33,192	39,236
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ	2,143	0,815
6	Phải trả ngắn hạn khác	Tỷ.đ	116,805	64,729
7	Dự phòng phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ	2,500	
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ.đ	8,525	4,246
B	Nợ dài hạn	Tỷ.đ	0,000	0,000

Tình hình tài chính của Công ty đảm bảo cho khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn; cụ thể các chỉ tiêu đánh giá chung như sau:

* Khả năng thanh toán nợ	31/12/2016	31/12/2017
- Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản:	0,334	0,264
- Khả năng thanh toán hiện hành: (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	2,51	3,14
* Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu:	0,5	0,36

Công ty có đủ khả năng thanh toán hiện hành.

Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2017: 0,3 lần đang trong tỷ lệ an toàn theo quy định của Nhà nước.

Trong năm Công ty có xuất khẩu phân lân, giao dịch này sử dụng ngoại tệ; tuy nhiên doanh thu và các khoản thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không cao trong tổng doanh thu của Công ty, do đó rủi ro từ tỷ giá hối đoái rất thấp.

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tăng cường đào tạo, bổ nhiệm cán bộ có trình độ;
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành tại tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định về quản lý;
- Quản lý chặt chẽ quá trình mua sắm vật tư;
- Sản xuất, dự trữ vừa đủ theo kế hoạch và nhu cầu thị trường; hạn chế tối đa lượng hàng tồn;
- Đẩy mạnh cải tiến công nghệ lò cao; cơ giới, hợp lý hóa các khâu trong sản xuất, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, đảm bảo môi trường;
- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã bao bì, đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Đẩy mạnh công tác thị trường, tiêu thụ cả trong và ngoài nước.
- Tiếp tục kiện toàn bộ phận đầu tư xây dựng.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

a- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018:

a. Khó khăn và thuận lợi:

- Khó khăn: Ngoài các khó khăn trong năm 2017 tiếp tục ảnh hưởng; trong năm 2018, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do thiếu lao động, giá nguyên liệu đầu vào (quặng secpentin) tăng, nguồn cung phân bón tăng, giá phân bón đơn vẫn ở mức thấp, sự cạnh tranh trên thị trường phân bón ngày càng gay gắt..

- Thuận lợi: Công ty có bề dày trên 50 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề; các hạng mục đầu tư khoa học công nghệ của Công ty từ các năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm phân bón của Công ty có thương hiệu, được người tiêu dùng tín nhiệm...

b- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Tổng doanh thu: 949,44 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 58,80 tỷ đồng;
- Mức chi trả cổ tức bằng tiền: 10% /mệnh giá.

c- Các biện pháp thực hiện:

- Về tổ chức, quản lý: Tập trung đào tạo, tuyển dụng lao động phục vụ cho sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điền tại Bim Sơn, Thanh Hóa. Tăng cường các biện pháp tổ chức, quản lý sản xuất để ổn định sản xuất, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất;

- Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục thực hiện các biện pháp đầu tư khoa học kỹ thuật, cải tiến hợp lý hóa sản xuất. Nghiên cứu cải tiến mẫu mã bao bì, sản xuất sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường. Tiếp tục thực hiện các biện pháp hiệu quả để giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu;

- Về đầu tư xây dựng:

+ Mua sắm các máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh;

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Thái Bình: Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết toán dự án;

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điền tại Bim Sơn, Thanh Hóa: Triển khai dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2017: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty trong năm 2017:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý chất thải):

Với các biện pháp và kết quả đạt được tại các mục 6.1 - 6.4 phần II nêu trên; trong năm 2017, các chỉ tiêu về môi trường đều được Công ty thực hiện tốt hơn, đạt và thấp hơn tiêu chuẩn cho phép. Mức tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý chất thải luôn ở mức tiết kiệm và tiên tiến so với thế giới. Do vậy đã góp phần bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm tài nguyên, tiết giảm chi phí sản xuất.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Với các biện pháp và kết quả đạt được tại các mục 6.5 phần II nêu trên; Công ty đã thực hiện tốt các chế độ, đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Do vậy, đã tạo thêm sự gắn bó của người lao động với Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với địa phương:

Với các biện pháp và kết quả đạt được tại mục 6.6 phần II nêu trên, Công ty đã được địa phương và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đánh giá là một trong các đơn vị thực hiện tốt công tác xã hội, từ thiện.

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2017:

1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhìn chung, các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2017 tương đối ổn định, cụ thể:

- Về lao động: Đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và cho dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điền tại Bim Sơn, Thanh Hóa;

- Về tổ chức, quản lý: Chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tế sản xuất kinh doanh;

- Về công nghệ: Được cải tiến, nâng cao trình độ;

- Về sản xuất: Tăng cường tiết giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động

- Về tài chính kế toán: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Công ty; tình hình tài chính của Công ty lành mạnh;

- Về đầu tư xây dựng: Đáp ứng nhu cầu máy móc thiết bị cho sản xuất kinh doanh. Lập xong báo cáo quyết toán dùng thực hiện vĩnh viễn dự án đầu tư xây dựng nhà máy NPK Thái Bình. Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Thanh Hóa thực hiện xong phần san nền, đang triển khai phần xây tường rào-cổng;

- Về sản phẩm mới: Các sản phẩm mới (lân, NPK vôi viên) tiếp tục thâm nhập thị trường, tăng sản lượng tiêu thụ.

- Về thị trường, tiêu thụ: Thị trường được giữ vững, sản lượng tiêu thụ tăng 2% so với năm 2016;

- Về hiệu quả kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) tăng so với năm 2016: doanh thu tăng 3%, đặc biệt lợi nhuận tăng 30%

- Về trách nhiệm môi trường, xã hội: Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về môi trường; tích cực tham gia các chương trình xã hội, từ thiện.

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2017, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tích cực, chủ động, hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; góp phần giúp Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông giao (đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận).

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2018:

Sau khi xem xét các mặt hoạt động của Công ty năm 2017 và dự kiến tình hình năm 2018, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như đã nêu ở mục 4.b phần III nêu trên.

Để thực hiện được kế hoạch đề ra, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

a- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty; đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành;

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ, nhất là các Quy chế, Quyết định làm cơ sở cho mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tiếp tục hoàn thiện với mục tiêu phát triển bền vững;

- Tăng cường phối hợp với Ban kiểm soát để nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động của Công ty;

- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là cán bộ bộ phận đầu tư xây dựng để đảm bảo chất lượng, hiệu quả dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa.

b- Hội đồng quản trị định hướng, chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tập trung cao độ, linh hoạt, bám sát thực tế trong công tác quản lý, điều hành;

- Chú trọng nhân tố con người;

- Áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm;

- Phát triển sản phẩm mới; củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước;

- Triển khai các dự án đầu tư xây dựng đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

- Đảm bảo vệ sinh môi trường-an toàn lao động theo quy định của nhà nước. Thực hiện tốt các chế độ, đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Quan tâm, hưởng ứng các phong trào xã hội, từ thiện do địa phương và các tổ chức phát động.

V- Quản trị công ty:

1- Hội đồng quản trị:

a- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân/đại diện sở hữu (%)	Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
1	Lâm Thái Dương	Chủ tịch HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0 - Đại diện sở hữu: 27,06	1- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam (Số ĐKKD: 0300430500; cấp ngày 25/01/20110; địa chỉ: Quận Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh) 2- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cao su sao vàng (Số ĐKKD: 0103011568; cấp ngày 02/8/2013; địa chỉ: Thanh Xuân, HN).
2	Nguyễn Thu Hằng	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0 - Đại diện sở hữu: 15	Không
3	Hoàng Văn Tại	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc	- Sở hữu cá nhân: 0,02 - Đại diện sở hữu: 25	Không
4	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0,03 - Đại diện sở hữu: 9,95	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hoàng Ngân
5	Cần Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập	- Sở hữu cá nhân: 0,01 - Đại diện sở hữu: 0	

Ghi chú:

- Các thành viên từ mục 1 đến mục 3: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam;

- Thành viên mục 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Công ty TNHH Hoàng Ngân;

- Thành viên mục 5: Là thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

- Tại thời điểm báo cáo, số lượng và cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị Công ty như sau:

+ Số lượng: 5 thành viên;

+ Cơ cấu: 4 thành viên đại diện sở hữu của cổ đông lớn, trong đó có 1 thành viên tham gia điều hành (các thành viên này đều không phải là thành viên độc lập); 1 thành viên độc lập.

b- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

c- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017: Được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật và của Công ty.

Trong bối cảnh rất khó khăn của ngành sản xuất phân bón trong nước; để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị Công ty và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông giao; Hội đồng quản trị đã nêu cao quyết tâm, đoàn kết nhất trí, thường xuyên tổ chức các cuộc họp (trong năm đã tổ chức 7 (bảy) cuộc họp chính thức) và nhiều lần tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề sau:

- Bổ sung, sửa đổi các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp thực tế hoạt động của Công ty;

- Chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty như tài chính kế toán, tiêu thụ sản phẩm, sản xuất sản phẩm mới, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh-đầu tư xây dựng; đặc biệt là việc triển khai dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa;

- Xem xét, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	16/01/2017	- Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; - Thông qua Kế hoạch đầu tư thị trường năm 2017; - Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017; - Thống nhất về chủ trương cho Công ty ký hợp đồng với người có liên quan để mua nguyên liệu sản xuất phân bón; thuê dịch vụ vận chuyển, thuê dịch vụ thuê kho chứa phân bón; tiêu thụ sản phẩm phân bón.
2	07/QĐ-HĐQT	16/01/2017	Giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2017 cho Ban điều hành.
3	18/QĐ-HĐQT	20/02/2017	Ban hành Quy chế tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động.
4	19/QĐ-HĐQT	20/02/2017	Ban hành Quy chế xếp lương, nâng bậc lương.
5	22/QĐ-HĐQT	25/02/2017	Thống nhất áp dụng quy trình thực hiện lựa chọn nhà thầu của gói thầu TV-GĐ-01 “Thiết kế, lập và thẩm định hồ sơ phòng cháy chữa cháy giai đoạn 1” thuộc Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển” tại khu B-khu công nghiệp Bim Sơn-Thanh Hóa (dưới đây viết tắt là Dự án nhà máy tại Thanh Hóa).
6	26/QĐ-HĐQT	08/3/2017	Ban hành Quy chế mua vật tư, dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh.
7	27/QĐ-HĐQT	09/3/2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu TV-GĐ-01 “Thiết kế, lập và thẩm định hồ sơ phòng cháy chữa cháy giai đoạn 1” thuộc Dự án nhà máy tại Thanh Hóa.
8	28/NQ-HĐQT	13/3/2017	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
9	29/TB-HĐQT	13/3/2017	Thông báo tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
10	30/QĐ-HĐQT	16/3/2017	Ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.
11	35/NQ-HĐQT	05/4/2017	- Thông qua Quỹ tiền lương thực hiện năm 2016; - Giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II cho Ban điều hành; - Thông qua các hồ sơ, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; - Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

12	49/QĐ-HĐQT	25/4/2017	Ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2017.
13	50/QĐ-HĐQT	27/4/2017	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán gói thầu XL-GĐ1-03 “Tuồng rào, công (28,29)” thuộc Dự án nhà máy tại Thanh Hóa.
14	51/QĐ-HĐQT	27/4/2017	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán gói thầu XL-GĐ1-02 “Đường giao thông và hệ thống thoát nước” thuộc Dự án nhà máy tại Thanh Hóa.
15	55/QĐ-HĐQT	26/5/2017	Phê duyệt dự toán khối lượng phát sinh của gói thầu “Lập Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy công suất 500.000 tấn/năm và Nhà máy sản xuất phân bón NPK công suất 200.000 tấn/năm tại Bim Sơn, Thanh Hóa” để tính toán lại hiệu quả Dự án và đơn vị thực hiện.
16	57/QĐ-HĐQT	29/5/2017	Chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.
17	62/QĐ-HĐQT	26/6/2017	Chi trả cổ tức năm 2017.
18	64/QĐ-HĐQT	10/7/2017	Phê duyệt hồ sơ mời thầu của gói thầu XL-GĐ1-03 “Tuồng rào, công” của Dự án nhà máy tại Thanh Hóa.
19	65/TB-HĐQT	13/7/2017	Thông báo gửi cổ đông về trả cổ tức lần 2 năm 2016 bằng tiền.
20	66/NQ-HĐQT	18/7/2017	- Thông qua Báo cáo tài chính sơ bộ 6 tháng đầu năm 2017; - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2017; - Giao nhiệm vụ triển khai các công việc liên quan đến Dự án nhà máy tại Thanh Hóa, Dự án nhà máy tại Thái Bình.
21	70/QĐ-HĐQT	07/8/2017	Phê duyệt kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị năm 2017.
22	71/QĐ-HĐQT	07/8/2017	Phê duyệt dự toán khối lượng phát sinh của gói thầu tư vấn “Tư vấn thẩm tra hiệu quả và tính khả thi của Dự án” để lập hồ sơ “Lập lại tổng mức đầu tư và hiệu quả kinh tế” của Dự án nhà máy tại Thanh Hóa.
23	76/QĐ-HĐQT	25/8/2017	Chấp thuận cho Tổng giám đốc bổ nhiệm lại một số cán bộ điều hành.
24	84/QĐ-HĐQT	25/9/2017	Tổ chức cho cán bộ quản lý, điều hành và khách hàng tiêu thụ sản phẩm lớn đi công tác nước ngoài.
25	85/QĐ-HĐQT	25/9/2017	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật của Dự án “Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục”.
26	87/QĐ-HĐQT	03/10/2017	Thưởng cho cán bộ quản lý, điều hành của Công ty năm 2016
27	88/NQ-HĐQT	11/10/2017	- Thông qua Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh quý 3 và 9 tháng đầu năm 2017; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2017; - Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2017 bằng tiền; - Giao nhiệm vụ triển khai các công việc liên quan đến Dự án nhà máy tại Thanh Hóa, Dự án nhà máy tại Thái Bình.
28	97/NQ-HĐQT	25/10/2017	Phê duyệt Dự toán của gói thầu “Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục”.

29	98/QĐ-HĐQT	25/10/2017	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu “Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục”.
30	102/QĐ-HĐQT	31/10/2017	Phê duyệt Danh sách xếp hạng nhà thầu của gói thầu XL-GĐ1-03 “Tuờng rào, cổng” thuộc Dự án nhà máy tại Thanh Hóa.
31	107/QĐ-HĐQT	15/11/2017	Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa của gói thầu “Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục”.
32	108/QĐ-HĐQT	15/11/2017	Thành lập Tổ công tác của Hội đồng quản trị để giải quyết đơn kiến nghị của cổ đông.
33	932/TB-PLVĐ	21/11/2017	Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2017 bằng tiền cho cổ đông.
33	111/NQ-HĐQT	29/11/2017	Giao nhiệm vụ triển khai các công việc liên quan đến Dự án nhà máy tại Thanh Hóa.
34	118/QĐ-HĐQT	11/12/2017	Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ.
35	121/QĐ-HĐQT	30/12/2017	Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu “Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục”.

d- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn theo quy định; tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng quản trị.

e- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các khóa đào tạo: Không có

2- Ban Kiểm soát:

2.1- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng Ban	0
2	Trần Quốc Cường	Thành viên	0
3	Hồ Sỹ Tiến	Thành viên	0,034

2.2- Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017:

a- Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty gồm 03 thành viên. Từ ngày 18/7/2017, Trưởng BKS là Bà Nguyễn Hồng Hải nghỉ chế độ thai sản, công việc của Trưởng BKS được ủy quyền cho ông Trần Quốc Cường thực hiện. Trong năm 2017, BKS đã họp định kỳ để triển khai các công việc, thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên BKS trên các mặt hoạt động của Công ty, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành và đưa ý kiến của BKS về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư xây dựng, công bố các thông tin theo quy định; cụ thể:

- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính quý năm 2017,
- Kiểm soát việc thực hiện các Quy chế, Quy định đã ban hành;
- Kiểm soát công tác đầu tư xây dựng cơ bản;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát việc phân phối lợi nhuận năm 2016;
- Kiểm soát việc chi trả cổ tức lần 2 năm 2016 và tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2017;

- Kiểm tra công tác điều hành giá bán sản phẩm, công tác tiêu thụ, ký kết các hợp đồng bán sản phẩm, mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh, quản lý công nợ, tiêu hao nguyên vật liệu...

b- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT và Ban điều hành:

Căn cứ các báo cáo, tài liệu hợp do HĐQT cung cấp và kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá trực tiếp của BKS trong năm 2017, BKS nhận thấy:

- Trong năm 2017, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và ban hành các Nghị quyết, Quyết định tập trung chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng đúng chức năng, quyền hạn của HĐQT và có nội dung phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty;

- Ban Điều hành đã tổ chức triển khai và thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT; xây dựng và sắp xếp kế hoạch sản xuất của Công ty hợp lý góp phần làm giảm chi phí đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh;

- Công ty thực hiện lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước; chính sách kế toán áp dụng tại Công ty phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Công tác kiểm kê (tiền mặt, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, tài sản cố định...) và đối chiếu công nợ (phải thu, phải trả) đầy đủ đúng quy định. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

- Các nghị quyết của HĐQT và Ban điều hành đã bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động. Các quyền lợi của người lao động như chế độ lương, đóng bảo hiểm xã hội – y tế - thất nghiệp đều được thực thi đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Hoạt động giám sát của BKS đối với cổ đông:

- Những quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty được đảm bảo và tôn trọng; Các thông tin định kỳ và thông tin bất thường liên quan đến lợi ích cổ đông, tình hình quản trị Công ty... được công bố theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, một số nội dung bị chậm công bố trong như Nghị quyết của HĐQT về việc ký hợp đồng kiểm toán và soát xét cho năm 2017, chưa trình bày thuyết minh giao dịch với người có liên quan (Công ty TNHH Hoàng Ngân, Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp xây dựng Anh Thái) trên Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2017...;

- Trong năm, BKS nhận được đơn kiến nghị của cổ đông Nguyễn Quang Tuấn về một số nội dung có liên quan đến công tác quản lý, điều hành của Công ty, Công ty đã xác minh làm rõ đây là đơn nặc danh, giả mạo cổ đông. Tuy nhiên, BKS vẫn đang tiến hành phối hợp với HĐQT, Ban điều hành để xác minh các nội dung của đơn và sẽ trả lời cổ đông trong thời gian gần nhất (nếu có);

- Công tác trao đổi thông tin, phối hợp giữa Ban kiểm soát với các cổ đông được thực hiện đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

c- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ điều hành khác:

- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban điều hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty; nhằm giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được minh bạch, lành mạnh.

- Đối với HĐQT: Đại diện của Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT, các tài liệu, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được chuyển đầy đủ cho Ban kiểm soát. Đối với những vấn đề do phía BKS đề xuất, HĐQT đều nghiêm túc thảo luận, trao đổi ý kiến, tiếp thu, giải đáp, tháo gỡ thắc mắc BKS đưa ra;

- Đối với Ban điều hành và các cán bộ điều hành khác: trước khi làm việc, BKS thường thông báo bằng văn bản hoặc làm việc đột xuất. khi có nhu cầu về cung cấp tài liệu, chứng từ và thông tin liên quan đến hoạt động Công ty, BKS đều được Ban điều hành và các cán bộ điều hành khác đáp ứng nhanh chóng, giải đáp đầy đủ.

2.3- Hoạt động khác của Ban kiểm soát: Không có.

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2017:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao (đ)	Tiền lương (đ)	Tiền thưởng (đ)	Tổng cộng (đ)
I	Hội đồng quản trị					
1	Lâm Thái Dương	Chủ tịch HĐQT	72.000.000		27.000.000	99.000.000
2	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT -Tổng Giám đốc	60.000.000		13.000.000	73.000.000
3	Hoàng Văn Tại	Thành viên HĐQT	60.000.000	649.341.500	95.600.000	804.941.500
4	Nguyễn Thu Hằng	Thành viên HĐQT	60.000.000		13.000.000	73.000.000
5	Cần Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	60.000.000	169.712.200	30.300.000	260.012.200
II	Ban điều hành					
1	Hoàng Văn Tại	Tổng giám đốc	N như mục I.3 nêu trên			
2	Chu Văn Thước	Phó Tổng Giám đốc		457.438.800	60.700.000	518.138.800
3	Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc		453.619.800	61.900.000	515.519.800
4	Văn Hồng Sơn	Phó Tổng giám đốc		435.593.700	57.984.000	493.577.700
III	Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng BKS		245.566.300	40.500.000	286.066.300
2	Trần Quốc Cương	Kiểm soát viên	52.000.000		5.500.000	57.500.000
3	Hồ Sỹ Tiên	Kiểm soát viên	48.000.000		5.500.000	53.500.000
IV	Nguyễn Thị Hiền					
		Kế toán trưởng		373.758.100	49.500.000	423.258.100

Ghi chú: Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được tính từ 01/01/2017 đến 16/7/2017 (không tính từ 17/7/2017 đến 31/12/2017 do Trưởng Ban kiểm soát nghỉ chế độ thai sản).

b- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2017: Không có

c- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2017:

STT	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty/người nội bộ	Hợp đồng với Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
1	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Cổ đông lớn /Người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Thạch-thành viên Hội đồng quản trị Công ty	1- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa 2- Dịch vụ thuê kho chứa hàng 3- Mua bán quặng sécpentin
2	Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp Xây dựng Anh Thái	Người có liên quan của Ông Hoàng Văn Tại-Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty (em ruột Ông Hoàng Văn Tại: Ông Hoàng Văn Phái là Giám đốc Công ty Anh Thái).	Mua bán phân bón Văn Điển

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

VI-Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán: được đính kèm theo.

Xác nhận của Người đại diện
theo pháp luật của Công ty



Hoàng Văn Tại

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỆN

